TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/ HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: *Ông Võ Kim Vinh* – Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Cao Tấn Ngoan - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phùng Thị N, sinh năm 1974; Thường trú: Ấp I, xã S, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú: 190 Đ, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Xuân H, sinh năm 1977; Địa chỉ: A Đ, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phùng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Phùng Thị N và ông Bùi Xuân H trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 đến 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức

lễ cưới và đăng ý kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã S, tỉnh Đồng Nai), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/1999 ngày 08/4/1999, việc hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ của bà N một thời gian ngắn, sau khi bà N sinh bé lớn thì về quê ông H sinh sống khoảng 01 năm thì vợ chồng lên thành phố D, tỉnh Bình Dương làm ăn và sinh sống. Trong cuộc sống, sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhiều lần sống ly thân nhưng vì con còn nhỏ, ông H xin tha thứ nên vợ chồng quay trở lại sinh sống cùng nhau nhưng tình cảm vợ chồng không còn. Ngoài ra, trong cuộc sống ông H thường xuyên chửi bởi bà N, có khi chửi suốt đêm và gần đây nhất đánh bà N nhưng bà N không báo với chính quyền địa phương. Nay bà N xác định không còn tình cảm với ông H, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Xuân H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Hồng N1, sinh ngày 28/8/1999 và cháu Bùi Ngọc Yến N2, sinh ngày 05/9/2004. Do các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H thống nhất với lời khai của bà N và thời gian tìm hiểu, quá trình chung sống. Theo ông H thời gian gần đây vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do ông H thấy bà N nhắn tin tình cảm, yêu đương với người đàn ông khác nên ông H mới chửi, đánh bà N. Ông H xác định vẫn còn yêu thương vợ và do đã lớn tuổi, đã có thông gia nên không muốn ly hôn làm ảnh hưởng đến các con.

Về con chung: Ông H thống nhất lời khai của bà N về số con chung và họ tên ngày tháng năm sinh của các con. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phùng Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Xuân H, ông H có địa chỉ tại số A, đường Đ, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị N và Bùi Xuân H tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã S, tỉnh Đồng Nai), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/1999 ngày 08/4/1999 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của bà Phùng Thị N thấy rằng: Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông Bùi Xuân H thường xuyên chửi bới, có hành vi bạo lực với bà N. Ông Bùi Xuân H xác định có đánh, chửi bà Phùng Thị N nhưng do bà N có tình cảm với người đàn ông khác nên ông H mới đánh, chửi, ông H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà N không thay đổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Phùng Thị N và ông Bùi Xuân H đã xảy ra mâu thuẫn thời gian dài, vợ chồng đã từng nhiều lần sống ly thân, do vợ chồng không có sự chia sẻ, không quan tâm đến nhau, không tin tưởng lòng chung thủy của nhau. Ông Bùi Xuân H không đồng ý ly hôn nhưng trong cuộc sống hôn nhân của ông H và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, mục đích hôn nhân giữa bà Phùng Thị N và ông Bùi Xuân H không đạt được. Vì vậy, bà Phùng Thị N yêu cầu được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phùng Thị N.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà Phùng Thị N và ông Bùi Xuân H có 02 con chung tên Bùi Hồng N1, sinh ngày 28/8/1999 và cháu Bùi Ngọc Yến N2, sinh ngày 05/9/2004. Do các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Phùng Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị N về việc ly hôn với bị đơn ông Bùi Xuân H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị N được ly hôn với ông Bùi Xuân H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 38/1999 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã S, tỉnh Đồng Nai) cấp ngày 08/4/1999.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phùng Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001980 ngày 04/7/2025 của Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM (01);
- VKSND khu vực 16, TP.HCM (01);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (01);
- UBND xã Sông Ray, tỉnh Đồng Nai (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Thị Uyên